

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31-12-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vi Hồng Nhung;

Bà Hoàng Thu Cúc.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** ông Nguyễn Thiện Tùng, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nông Thị M, sinh năm 2001; địa chỉ: thôn L, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: anh Hoàng Đức T, sinh năm 2000; địa chỉ: thôn L, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nông Thị M trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Hoàng Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu trước khi kết hôn khoảng 02 năm. Hai anh, chị được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 07/9/2020. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng anh,

chị về chung sống với gia đình anh Hoàng Đức T tại thôn L, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn được một thời gian vì lý do kinh tế nên hai vợ chồng có đi làm công ty để con chung ở nhà nhờ mẹ chồng là bà Hoàng Thị T1 trông nom, chăm sóc hộ nhưng được một thời gian thì anh Hoàng Đức T thường xuyên cờ bạc, không tu chí làm ăn, đến tháng 11/2021 anh Hoàng Đức T bỏ việc không đi làm công ty về nhà ở thôn L, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn sinh sống và chăm sóc con. Vợ chồng ly thân từ tháng 11/2021 đến nay, trong thời gian ly thân, chị có biết được thông tin anh Hoàng Đức T có vi phạm pháp luật về hành vi Trộm cắp tài sản và phải đi chấp hành án đến nay đã trở về địa phương. Nay chị xác định vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, vợ chồng không còn tình cảm nữa do vậy chị Nông Thị M yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Đức T. Đối với ý kiến của anh Hoàng Đức T không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ, chị không đồng ý vì vợ chồng đã ly thân từ lâu, đến nay không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa.

Về con chung: chị và anh Hoàng Đức T 01 con chung là cháu Hoàng Lê M1, sinh ngày 23/9/2018. Từ khi chị đi làm công ty, cháu Hoàng Lê M1 vẫn ở cùng với ông bà nội, hiện tại cháu Hoàng Lê M1 đang ở cùng với anh Hoàng Đức T và đang học lớp 1 trường tiểu học xã B. Khi ly hôn, để cháu Hoàng Lê M1 ổn định cuộc sống chị Nông Thị M sẽ để anh Hoàng Đức T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Lê M1 và chị Nông Thị M sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng. Hiện tại chị đang ký hợp đồng lao động tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S (Việt Nam) tại khu công nghiệp Q, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang với mức lương theo hợp đồng là 4.450.000 đồng, ngoài ra chị còn được thêm các phụ cấp khác do vậy chị có đủ khả năng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị và anh Hoàng Đức T không có tài sản chung.

Bị đơn anh Hoàng Đức T trình bày:

Về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống của hai vợ chồng đúng như chị Nông Thị M trình bày. Hai anh, chị được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 07/9/2020. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng anh, chị về chung sống với bố mẹ đẻ của anh tại thôn Làng Tuồng, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2021 vì lý do kinh tế hai vợ chồng có xin đi làm công ty dưới Bắc Giang. Đến tháng 02/2023 anh có vi phạm pháp luật về hành vi Trộm cắp tài sản và phải chấp hành án tại trại giam S1, B, thành phố Hà Nội, đến tháng 11/2023 anh chấp hành xong án trở về địa phương. Khi trở về thì anh được biết là chị Nông Thị M đã bỏ về nhà ngoại, để lại con chung cho bố mẹ anh chăm sóc. Vợ chồng anh, chị đã ly thân từ

tháng 02/2023 đến nay. Nay chị Nông Thị M yêu cầu ly hôn, anh cảm thấy không còn tình cảm với chị Nông Thị M nhưng vì nghĩ đến con cái còn nhỏ, muốn có gia đình hoàn chỉnh để nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý ly hôn. Hiện tại anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng được cả vì anh, chị đã không còn thường xuyên liên lạc với nhau, lần gần đây nhất chị Nông Thị M liên lạc với anh cũng chỉ là để bảo ra Tòa án làm thủ tục ly hôn.

Về con chung: anh và chị Nông Thị M có 01 con chung là như chị Nông Thị M trình bày. Hiện tại cháu đang học lớp 1 trường tiểu học xã B và đang ở cùng với anh cùng ông, bà nội tại thôn Làng Tuồng, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nếu trong trường hợp phải ly hôn thì anh đồng ý trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Lê M1 và đồng ý với mức cấp dưỡng chị Nông Thị M đưa ra là hàng tháng chị Nông Thị M sẽ cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Lê M1 với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng. Anh không yêu cầu chị Nông Thị M phải chịu lãi suất do chậm trả tiền cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh đang đi làm thuê tại quán cafe với mức thu nhập khoảng 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: không có.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị M, cho chị Nông Thị M được ly hôn với anh Hoàng Đức T.

Về con chung: căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Giao cháu Hoàng Lê M1, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2018 cho anh Hoàng Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: căn cứ Điều 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị Nông Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Lê Minh H tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng và không phải chịu lãi suất do chậm trả tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị Nông Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: không có.

Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Nông Thị M được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tài liệu do nguyên đơn chị Nông Thị M cung cấp gồm: đơn khởi kiện; căn cước công dân của chị Nông Thị M (bản sao); trích lục kết hôn số 71 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 13/8/2024 (bản sao); giấy khai sinh của cháu Hoàng Lê M1 (bản sao); xác nhận thông tin về cư trú số 000360/XN ngày 13/8/2024 của Công an xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn (bản chính); thông báo trả lại đơn khởi kiện số 28/TB-TA ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn (bản chính) và bản tự khai của của chị Nông Thị M, các phiếu lương tháng 9, 10, 11 của chị Nông Thị M, đơn xin miễn án phí của chị Nông Thị M.

Tài liệu do bị đơn anh Hoàng Đức T cung cấp gồm: bản tự khai, căn cước công dân của anh Hoàng Đức T.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật tuy nhiên bị đơn anh Hoàng Đức T vắng mặt, nguyên đơn chị Nông Thị M yêu cầu không tiến hành hòa giải nên Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Hoàng Đức T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: nguyên đơn chị Nông Thị M khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng. Bị đơn anh Hoàng Đức T hiện đang sinh sống, làm việc và đăng ký thường trú tại thôn L, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn do đó Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng” là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Nông Thị M và anh Hoàng Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 9 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, hai anh, chị đã ly thân từ năm tháng 02/2023 đến nay, anh Hoàng Đức T cũng thừa nhận giữa hai vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, anh, chị không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, giữa

hai anh, chị không còn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chị Nông Thị M yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình là có căn cứ, cần được chấp nhận, yêu cầu đoàn tụ của anh Hoàng Đức T là không có căn cứ nên không được chấp nhận

[4] Về con chung: chị Nông Thị M và anh Hoàng Đức T có 01 con chung là cháu Hoàng Lê M1, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2018. Quá trình giải quyết vụ án, chị Nông Thị M và anh Hoàng Đức T đều khẳng định từ trước đến nay, cháu Hoàng Lê M1 đều sinh sống, học tập tại xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cùng với ông bà nội và anh Hoàng Đức T. Để cháu Hoàng Lê M1 ổn định cuộc sống thì khi ly hôn, anh Hoàng Đức T sẽ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Lê M1. Hiện chị Nông Thị M đang làm công nhân tại Công ty S (Việt Nam) tại khu công nghiệp Q, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang, do vậy xét thấy việc thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn của anh, chị là phù hợp với các quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, phù hợp với thực tế. Tuy nhiên tại phiên tòa anh Hoàng Đức T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không công nhận sự thỏa thuận của các đương sự mà chấp nhận yêu cầu của chị Nông Thị M về việc giao cháu Hoàng Lê M1 cho anh Hoàng Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: chị Nông Thị M, anh Hoàng Đức T đều có ý kiến đồng ý với phương án chị Nông Thị M sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Lê Minh H tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng. Hiện chị Nông Thị M đang làm công nhân tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S (Việt Nam) với mức lương theo hợp đồng là 4.450.000 đồng. Xét thấy việc thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con chung của anh, chị là phù hợp với thực tế cũng như phù hợp với các quy định tại các Điều 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình tuy nhiên tại phiên tòa anh Hoàng Đức T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không công nhận sự thỏa thuận của các đương sự mà chấp nhận yêu cầu của chị Nông Thị M về việc chị Nông Thị M sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Lê Minh H tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng và không phải chịu lãi suất do chậm trả tiền cấp dưỡng nuôi con vì anh Hoàng Đức T không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung: không có.

[7] Về án phí: nguyên đơn chị Nông Thị M được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án do là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí.

[8] Quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp về nội dung của vụ án và án phí là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228 và các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị M. Xử cho chị Nông Thị M được ly hôn với anh Hoàng Đức T.

2. Về con chung: giao cháu Hoàng Lê M1, sinh ngày 23 tháng 9 năm 2018 cho anh Hoàng Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Hoàng Lê Minh Đ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: chị Nông Thị M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Lê Minh H tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng trên một tháng). Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Hoàng Lê Minh Đ 18 tuổi. Chị Nông Thị M không phải chịu lãi suất do chậm trả tiền cấp dưỡng nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: không có.

5. Về án phí: chị Nông Thị M được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: nguyên đơn chị Nông Thị M có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Hoàng Đức T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHA DS huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Bằng Hữu, huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Trương Thị Hương Giang